

TINH THÂN BÌNH ĐẲNG CỦA ĐẠO PHẬT GIÚP CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

SC. Thích Nữ Nhuận Bình *

TÓM TẮT

Trên trái đất này, con người và sự vật hiện tượng luôn tồn tại song hành, cộng sinh và bình đẳng hiện hữu. Đạo Phật đưa ra học thuyết duyên khởi, giải thích rõ về bốn hiện tượng thành, trụ, hoại, không và sinh, trụ, di diệt để chứng minh tinh thần bình đẳng giữa con người với con người, giữa con người với vạn vật, đặc biệt là môi trường sinh thái - sự sống còn của mẹ trái đất. Xã hội hiện đại, đời sống con người phát triển, cũng là lúc những khổ đau, phiền muộn, lo sợ và bất an luôn đè nặng lên thân phận của bao kiếp nhân sinh. Nhiều thân phận người bị chà đạp, khinh rẻ, sự khủng hoảng, ô nhiễm về môi trường sinh thái đe dọa tính mạng con người. Nhiều loại bệnh hiểm nghèo xuất hiện, những cơn động đất, sóng thần nổi lên lấy đi sinh mạng của hàng ngàn người, phá hoại nền kinh tế, gây hoang mang, lo lắng cho con người.

Phải chăng, tất cả những nỗi khổ niềm đau và nỗi sợ hãi đó đều bắt nguồn từ sự thiếu tôn trọng tinh thần bình đẳng, không tu dưỡng đạo đức tâm linh, xem nhẹ tính mạng con người và mẹ thiên nhiên-môi trường sinh thái. Bài viết này nhằm nhấn mạnh đến tinh thần bình đẳng của đạo Phật, như một cánh cửa để tìm thấy con đường hạnh phúc và bảo vệ môi trường sinh thái lành mạnh, tốt đẹp cho con người.

*. NCS.TS, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM.

1. KHÁI NIỆM BÌNH ĐẲNG

Trong tiếng anh, từ “Bình đẳng” được viết là “Equality”, tức là ngang hàng nhau về địa vị, về quyền lợi. Trong khi đó, thuật ngữ “Samànaatta” là từ mà bộ môn cổ ngữ Pàli dịch là “bình đẳng” (*samàna*) với tôi (*attan*), hay “giống như tôi”¹. Bình đẳng là thuật ngữ có hàm nghĩa giống nhau cả về nhận thức và đạo đức sống, làm người, nghĩa là phải đối xử với con người và vạn vật như cách mà “tôi đối xử với chính tôi”.

Phật giáo nguyên thủy cho rằng, bình đẳng là “*chăm sóc người khác giống như tôi chăm sóc chính tôi*”². Như vậy, bình đẳng là tôn trọng, là sự đánh giá cao và như nhau về các loài sinh vật hay không phải sinh vật tham gia trong tiến trình hiện hữu và sự sống của muôn loài. Đối xử với tất cả cùng một thái độ, cùng cách cư xử như chính mình muốn được đối xử và tôn trọng. Tuy nhiên, việc đối xử này phải phù hợp với tình huống và đặc tính của các chủng loại mà chúng đang là, thì tinh thần bình đẳng trong Phật giáo mới đạt được ý nghĩa nhân văn.

2. TINH THẦN BÌNH ĐẲNG CỦA ĐẠO PHẬT GIÚP CUỘC SỐNG CON NGƯỜI HẠNH PHÚC

Trước khi đức Phật thành đạo, xã hội Ấn Độ phân chia thành bốn giai cấp khắt khe, đẩy thân phận con người đến tận cùng thống khổ. Từ thuở hồng hoang, con người sinh ra vốn không có giai cấp, vốn rất bình đẳng, bình đẳng về suy nghĩ, bình đẳng về môi trường sinh thái, về quyền lợi, về đối xử tử tế.... Nhưng theo thời gian, do sự lớn mạnh về bản ngã-cái tôi, xã hội bắt đầu xuất hiện kẻ giỏi người dở, kẻ giàu người nghèo, kẻ mạnh người yếu nên dần dà có sự hiếp đáp, phân chia, đẽ bẽ, khiến một bộ phận người bị coi rẻ, không có cơ hội ngóc đầu lên, không thể tự do sống theo ước muốn của mình, xây dựng tương lai sự nghiệp theo lý tưởng mình mong đợi. Xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, “*chỉ có ba giai cấp đầu được phép tụng đọc các Veda, còn giai cấp Shadra bị cấm đoán hoàn toàn*”³. Sự phân chia giai cấp khắc nghiệt tại Ấn Độ trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng cho

1. Karma Lekshe Tsomo (2009), *Ra khỏi bóng tối*, Thích Nữ Diệu Nghiêm dịch, Nxb Tôn Giáo, TP.HCM, tr.700.

2. Sđd, tr.700.

3. Viên Trí, *Ấn Độ Phật Giáo Sử Luận*. Nxb Phương Đông, tr.27.

triệu triệu lớp người sống trong vũng bùn khổ đau của xã hội. Có ai trên đời muốn mình sanh ra đã bị kỳ thị, ghét bỏ, khinh thường của đồng loại? Ai cũng cần có nhu cầu sống, nhu cầu được yêu thương, trân trọng và sống một cuộc đời theo ước muốn của bản thân.

Tinh thần bình đẳng của Phật giáo xuất hiện sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo dưới cội bồ đề là hồi chuông cảnh báo, là cuộc cách mạng vĩ đại, mang đến tự do và hạnh phúc dành cho thân phận người phụ nữ cũng như hàng triệu triệu người thuộc các giai cấp cùng đỉnh. Đạo Phật không chú trọng đến xuất thân, bởi xuất phát điểm - nguồn gốc của một người không liên quan đến tài năng và đức hạnh của người đó. Đạo Phật chú trọng đến sự tu dưỡng, đến đời sống đạo đức làm thước đo chuẩn mực của sự bình đẳng: *“Sự sang, hèn của con người là do nhân cách chứ không phải do giòng họ mà có; đối với việc tu đạo, giòng dõi tuyệt đối không có một ý nghĩa nào cả, mà chỉ khác nhau ở chỗ có hăng hái hay không trong việc tiến tu mà thôi: đó là chủ trương cốt tủy của Phật và các đệ tử”*⁴. Trong rất nhiều bài thuyết giảng, đức Phật nhiều lần nhấn mạnh rằng, mọi dòng sông trên thế gian khi đổ về biển cả đều có chung vị mặn của muối. Cũng vậy, giáo pháp của đức Thích Ca cũng chỉ có một vị, đó là vị ngọt của hạnh phúc và vị giải thoát cho nhơn thiên. Bởi tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có khả năng thành Phật, đó là tinh thần bình đẳng tuyệt đối của đạo Phật, là con đường chơn chánh mang lại hạnh phúc cho muôn loài.

Trong cuốn Từ điển Triết học nhấn mạnh rằng: *“Bình đẳng là khái niệm nói lên vị trí như nhau của con người trong xã hội, nhưng lại có một nội dung khác nhau trong những thời đại lịch sử khác nhau và ở những giai cấp khác nhau... Sự bình đẳng hoàn toàn chỉ được tạo ra dưới chủ nghĩa cộng sản. Nhưng sự bình đẳng của cộng sản chủ nghĩa không có nghĩa là một sự san bằng nào đó đối với tất cả mọi người, mà ngược lại, nó mở ra những khả năng vô hạn cho mỗi người tự do phát triển những năng lực và nhu cầu của mình, tương xứng với những phẩm chất và năng khiếu cá nhân”*⁵.

4. Kimura Taiken, *Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, Thích Quảng Độ dịch, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2007, tr.231.

5. *Từ điển Triết học*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va (bản dịch ra tiếng Việt của Nxb Tiến bộ và Nxb Sự thật), 1986.

Từ nhu cầu cần thiết của từng cột mốc lịch sử thời đại, của con người, nền văn hóa địa phương của các quốc gia và vùng lãnh thổ, quan niệm bình đẳng luôn đi theo nhu cầu thực tế của cuộc sống. Con người sẽ được tự do phát triển tài năng, phẩm hạnh theo lý tưởng, ước muốn của mình, nhưng phải tương xứng với phẩm chất đạo đức mà họ đã dành hết tâm sức tái tạo nên. Họ sẽ được hưởng thành quả hạnh phúc khi dành hết khối óc và trái tim để tác thành và cống hiến. Tư tưởng này đồng nhất quan niệm với triết gia Aristoteles về tinh thần bình đẳng là công bình như sau: *“Bất công là bất bình đẳng và công bình là bình đẳng”*. *“Những người không bằng nhau được đãi ngộ tùy theo sự khác biệt của họ”*. Tinh thần bình đẳng được xếp theo nhu cầu và năng lực của từng cá nhân. Họ được hưởng thành quả hạnh phúc từ chính đôi tay, khối óc và con tim họ cống hiến.

Quan điểm này cũng đồng nhất với tinh thần bình đẳng của bản Tuyên ngôn Nhân quyền và quyền Công dân Cách mạng Pháp năm 1789, điều 6 ghi như sau: *“Nhận thức rằng tất cả mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, nên tất cả đều có quyền được trả lương như nhau và ngang hàng nhau trong việc đảm nhận những chức vụ công, tùy theo khả năng của họ và chỉ dựa trên một tiêu chuẩn duy nhất là đức độ và trí thức của họ”*. Marx cũng từng nói: *“Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”*. Với bản Tuyên ngôn và câu nói của Marx rất công bằng và hợp lý này, thì tùy vào khả năng, mức độ chuyên cần và sự tu dưỡng về tri thức, đạo đức, nhân cách của từng cá nhân mà con người nhận lại sự công bằng, xứng đáng với những gì mình cố gắng.

Đạo Phật nêu cao tinh thần bình đẳng, khuyến khích con người nên sống hài hòa, đối đãi công bình với tha nhân bằng tâm thương yêu và sự hiểu biết. Tuy nhiên, trên thế giới sở dĩ xuất hiện tất cả mọi sự sai biệt về từng thân phận thấp-cao, sang-hèn, giỏi-dở, hạnh phúc-khổ đau của con người là bởi nghiệp lực của họ chi phối. Bởi, *“... mọi bất công về đẳng cấp (thân phận) đều do hậu quả tất yếu của nghiệp trong quá khứ tạo thành. Do vậy con người trong hiện tại phải mặc nhiên gánh chịu và nỗ lực để tôn trọng kỷ luật của giai cấp mình”*⁶. Mỗi người sanh ra trên thế giới này, phần lớn chịu sự chi phối của nghiệp lực trong quá khứ. Nghiệp thiện sẽ tác thành quả thiện, bao gồm những hoa trái hoàn hảo, ngọt lành, sanh ra với thân phận cao

6. Viên Trí, *Ấn Độ Phật Giáo Sử Luận*, Nxb Phương Đông, TP. HCM, tr.28.

quý, tận hưởng cuộc sống may mắn, hạnh phúc. Nghiệp bất thiện đưa đến quả báo bất toàn, cuộc đời không mấy sáng sủa, may mắn, tốt đẹp, tươi vui. Đó là lý do mà có người vừa sanh ra đã bị mù, đã bị khuyết tay chân và các bộ phận trên cơ thể, có người sanh vào nhà tôn quý, có người làm con cái của kẻ hành khách sống lây lất qua ngày. Dĩ nhiên, tất cả những sự bất toàn, đau khổ này không thể đổ thừa cho một xã hội thiếu tính bình đẳng được. Đó là do nghiệp lực của mỗi người tác tạo trong quá khứ chiêu cảm lấy.

Trong cuốn *“Những viên ngọc trí tuệ của Phật giáo”* có viết: *“Con người tạo nên mọi thứ, tất cả những buồn đau và bất hạnh cũng như hạnh phúc và thành công của mình. Những người khác có thể sử dụng ảnh hưởng vì cuộc sống của họ, nhưng chính con người ấy gây tạo ra bao nghiệp lực của mình. Cho nên người ấy chịu trách nhiệm về những hậu quả đó”*⁷. Trong kinh Trung A Hàm đức Phật cũng dạy: *“Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp”*⁸. Như vậy, hạnh phúc hay đau khổ của con người nằm ở chính nghiệp thân, khẩu, ý của người đó. Chỉ cần tu tập, hướng đến đời sống đạo đức, lương thiện thì chẳng những an lạc đời này mà sẽ có ảnh hưởng tích cực đến mai sau.

Nhiều người khởi tâm lo sợ, không dám tự tin mình sẽ tu tập thành công để có hạnh phúc. Trong rất nhiều bản kinh đức Phật từng khuyến cáo về tinh thần bình đẳng như sau: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”*. Hay, *“Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, nhất thiết chúng sanh giai cam tác Phật”*. Có thể mỗi người sanh ra trong những gia đình, xã hội và quốc độ khác nhau, nhưng bản thể chân như, giác ngộ luôn nằm trong tiềm thức mỗi người. Lục tổ Huệ Năng từng dạy: *“Con người có Nam Bắc, nhưng Phật tánh thì không phân biệt Nam Bắc”* là vậy. Con người gây tạo nghiệp chướng là bởi do vô minh che lấp Phật tánh, làm tánh Phật bị vùi lấp trong lớp nghiệp chướng sâu dày. Chỉ cần vén bức màn vô minh, chỉ cần tri giác Phật được phát hiện, được biểu lộ ra ngoài, lập tức bóng tối vô minh sẽ tiêu

7. Nhiều tác giả (2002), *Những Viên Ngọc Trí Tuệ Phật Giáo*, Thích Tâm Quang dịch, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr.209.

8.. *Trung A hàm* (1992), tập III, kinh Oanh Vũ, Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN ấn hành, tr.747.

diệt. Khi vô minh diệt thì minh sanh. Cũng vậy, khi khổ đau chấm dứt thì an lạc, hạnh phúc sẽ có mặt tức thì.

Do vậy, quan niệm về tinh thần bình đẳng của đạo Phật giúp cuộc sống con người hạnh phúc, ý nghĩa, nhân văn, là chân lý được đức Phật truyền dạy hàng ngàn năm qua, giúp tháo gỡ những nội kết, những bất an, những nỗi khổ niềm đau của bao người. Tinh thần bình đẳng của Phật giáo không liên quan đến xuất thân thấp hèn hay cao thượng, cũng không phải do thói đời đen bạc làm hoen ố lương tri, mà bởi chính hành động thiện lành hay nhiễm ô khiến chúng sanh khổ đau hay hạnh phúc. *“Không cha mẹ, trời đất hay ai làm cho ta cao thượng hay thấp hèn, chỉ có hành động của ta làm cho ta cao thượng hay thấp hèn mà thôi; không phải ai khác làm cho ta ô nhiễm hay trong sạch, mà chỉ do ta làm cho ta ô nhiễm hay trong sạch mà thôi”*⁹.

Xã hội hiện đại, người người hô hào thực hiện tinh thần bình đẳng, nhà nhà ủng hộ các vấn đề liên quan đến bình đẳng như: Bình đẳng về giới tính, bình đẳng về lợi dưỡng, bình đẳng về các nhu cầu, bình đẳng về tri thức, bình đẳng về môi trường sinh thái, ... nhưng chúng ta thực sự đã ứng dụng bao nhiêu phần trăm cho các công trình nghiên cứu về tính bình đẳng nhân văn này! Bởi đâu đó trên trái đất này, sự kỳ thị và phân biệt giới tính vẫn còn nhan nhản, sự bạc đãi và hà hiếp phụ nữ vẫn còn khắp nơi, đặc biệt, vấn đề môi trường sinh thái bị đối xử bất công đang ngày một đe dọa tính mạng của triệu triệu con người trên thế giới.

Nói thì dễ, nhưng làm được lại rất khó. Do đó, *“Phương thức để cuộc sống chúng ta phong phú và hạnh phúc hơn là: xác định cách nhìn một cách toàn diện về thế giới, vũ trụ, nhất là khẳng định cuộc sống chúng ta trong vũ trụ bao la ấy, giống như những con sóng, bọt nước, sinh ra tồn tại và cuối cùng cũng mất đi trong đại dương mênh mông của vũ trụ. Do đó mỗi một giây phút còn hiện hữu trên cõi đời là vô cùng quý giá và vô cùng hạnh phúc”*¹⁰. Thế nên, ngoài việc thực hiện tinh thần bình đẳng đối với con người, giúp nhân loại tận hưởng cuộc sống an lạc, hạnh phúc trọn vẹn, con người cần chú trọng đến vấn

9 Thích Quang Nhuận (2005), *Phật học khái luận*, tập 2, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr.148.

10 Huy Thông- Nguyễn Hạ (2005), *Gặp gỡ tư tưởng đức Phật và Einstein*, Nxb Văn Nghệ, TP.HCM, tr.124-125.

để bình đẳng cho môi trường sinh thái, bởi nó chính là chiếc chìa khóa để mở ra cánh cửa an lành cho vũ trụ và triệu triệu lớp người trên thế giới.

3. TINH THẦN BÌNH ĐẲNG CỦA ĐẠO PHẬT GIÚP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

Phật giáo quan niệm rằng mỗi chúng sanh đều có mối tương quan tương duyên mật thiết với nhau. Giữa các sự vật, dù là hữu tình hay vô tình đều không có giới hạn, cộng sinh và cùng tương tác, cùng tham gia vào quá trình sinh, trụ, di, diệt của tiến trình duyên khởi. Trường phái Huayen đã nói một câu nổi tiếng về đạo Phật “*một là nhiều và nhiều là một*” để nói lên mối liên hệ mật thiết giữa con người và thế giới, giữa con người và vũ trụ nhân sinh. Đó là điều mà các vấn đề về môi trường sinh thái trở nên có ý nghĩa đối với mọi người.

Cuộc khủng hoảng về môi trường sinh thái đe dọa tính mạng, sự an toàn của nhân sinh đều do chính con người tạo ra. Họ đã dùng cái tôi để thể hiện sự tham lam, ích kỷ của mình và đối xử bất bình đẳng với thế giới xung quanh. Con người đã tạo nên khổ đau, gây tổn hại môi trường sinh thái do ba sự ô nhiễm tinh thần, đó là tham (ràga), sân (dosa) và si (moha) và ba nghiệp bất thiện, thân (kàya), khẩu (vaci) và ý (manas). Kết quả của việc làm này gây đau khổ cho con người, khiến đời sống của con người bất an, bị đe dọa với những rủi ro có thể xảy ra bất cứ lúc nào khi môi trường sinh thái bị ô nhiễm, khủng hoảng.

Nếu sự biến đổi khí hậu, làm ô nhiễm môi trường sinh thái bắt nguồn từ suy nghĩ, hành vi bất thiện của con người tạo ra, thì sự giải quyết vấn đề này cũng tùy thuộc vào con người và chỉ có loài người mới trả lại cho vũ trụ, thế giới về nguyên sơ, thanh tịnh vốn có của nó. Tuy nhiên, việc chữa lành vết thương của các vấn đề khủng hoảng về môi trường sinh thái không phải kiếm tìm các biện pháp từ bên ngoài, mà phải có lối sống, suy nghĩ và tịnh hóa tâm hồn (citta visuddhi) từ bên trong, sau đó làm trong sạch các hành vi (kamma visuddhi) bên ngoài bằng lối sống bình đẳng, tu dưỡng các thiện pháp.

Ứng dụng tinh thần bình đẳng của đạo Phật trong vấn đề môi trường sinh thái sẽ tạo nên đời sống an hòa cho nhân sinh, con

người sẽ tìm thấy giá trị từ cuộc sống, cảm nhận được niềm hạnh phúc và bình an trong thế giới ổn định và thanh sạch này. Dĩ nhiên, việc tu tập thân tâm là cách để chuyển hóa mọi suy nghĩ và hành động của mỗi người. Chuyển hóa cái tôi cá nhân, sự tham lam, ích kỷ để vì một môi trường sinh thái lành mạnh. Quán chiếu vạn sự vạn vật là bạn đồng hành, là cộng sinh, đối xử bình đẳng với vũ trụ vạn vật như cách mà chính bản thân mình muốn được đối xử. Muốn làm được điều này, con người cần trải qua tiến trình tu tập, thể hiện đức tánh từ bi với mình và tha nhân.

“Cho nên phương thức để chữa trị sự khủng hoảng môi trường sinh thái là phục hồi lại các trạng thái tâm và các hành vi trong sáng. Phương thức chữa trị là tôn trọng và đối xử với tất cả các thành phần tham gia hệ thống chính thể luận thế giới với những thái độ giống như chúng ta cư xử với chính mình bằng cách tu tập các giới vô hại, từ, bi. Tóm lại, tôn trọng sự bình đẳng, sự sống của mọi loài với tâm trong sạch và hành vi trong sạch là nòng cốt của vấn đề môi trường sinh thái học Phật giáo”¹¹, cũng là cốt lõi để gieo trồng của hạt giống hạnh phúc cho nhân sinh.

Tất cả mọi loài trên thế giới dù không phải động vật như đất, nước, lửa, gió, cây cối, sự vật và các loài muông thú khác nhau, nhưng tất cả phải được tôn trọng, đánh giá cao vai trò, nơi chốn, vị trí và sự hiện hữu của chúng. Con người cần nhận thức và hiểu một cách sâu sắc rằng, tất cả đều phải trải qua sự chi phối của vô thường (anicca), khổ (dukkha) và vô ngã (anatta). Hiểu và chấp nhận định luật này, loài người sẽ dễ dàng đồng cảm, thấu hiểu và tôn trọng đối với sự hiện hữu của muôn loài, xem bản thân và muôn loài là tương sinh, là cộng sinh như quan điểm về “*bình đẳng xã hội*”¹² mà ông David Miller đã nhấn mạnh. Do vậy, thực hiện tinh thần bình đẳng, nghĩa là loài người phải bỏ đi tâm niệm tham lam, ích kỷ, hơn thua đối với con người và các sự vật, hiện tượng nói chung.

Bình đẳng xã hội và môi trường sinh thái có nghĩa là con người và vạn sự vạn vật đều được đối xử công bằng, ngang nhau, được tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ. Tuy nhiên, bình đẳng không có nghĩa tất cả

11. Karma Lekshe Tsomo (2009), *Ra khỏi bóng tối*, Thích Nữ Diệu Nghiêm dịch, Nxb Tôn Giáo, TP.HCM, tr.698

12. David Miller (2002), *Phẩm chất và sự công bằng*, Đạo đức học ứng dụng: Các khái niệm then chốt trong triết học VI, R. Chardwick và D. Schroeder, Nữu ước: Routledge.

đều ngang nhau về năng lực và tài sản, cũng không phải bằng nhau về sức mạnh và sự thông minh. Nếu trong một xã hội mà đời sống con người và môi trường sinh thái không được đối xử bình đẳng, thiếu tôn trọng thì quốc gia và vùng lãnh thổ đó không thể nào tồn tại một cách bền vững và lạnh mạnh lâu dài. Tầng bậc cao nhất của sự bình đẳng không phải hô hào đòi quyền bình đẳng, mà là vượt lên trên, tức nhấn mạnh vào tính trách nhiệm về tinh thần bình đẳng có trong mọi người, mọi loài. Sự bình đẳng này không phải là điều luật, nội quy bắt buộc, nó được thể hiện bởi đức tính tôn trọng đối với cá nhân mỗi người bắt nguồn từ từ sự tự nguyện bên trong.

Tất cả các pháp trên thế gian đều có mối liên hệ mật thiết, và tất cả đều quan trọng vì góp phần hình thành con người và thế giới, chúng tùy thuộc lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau để tồn tại trong một thời gian nhất định nào đó. Đó là lý do mà tất cả các loài hữu tình và vô tình đều có giá trị ngang nhau và đáng được nâng niu, trân trọng. Ước mơ có được niềm vui, niềm hạnh phúc và tránh gây tổn thương, đau khổ không chỉ là mong cầu của các hữu tình chúng sanh, mà cây cỏ và các loài vô tình cũng rất khát khao được tồn tại. Bởi sự tôn trọng, giữ gìn môi trường sinh thái lành mạnh, sẽ trực tiếp bảo vệ sự sống bình an cho loài hữu tình chúng sanh. Có thể loài vô tình chúng sanh (môi trường sinh thái) không có những ước muốn được tôn trọng, được hạnh phúc và sợ hãi khổ đau như loài hữu tình chúng sanh, nhưng chắc chắn chúng sẽ cung cấp điều kiện sống cần và đủ để các loài hữu tình chúng sanh có nơi cư trú an toàn, ổn định. Do vậy, cần thực hiện các mối quan hệ bình đẳng cho ước muốn được tôn trọng của môi trường sinh thái. Việc làm này chính là hành động bảo vệ môi trường sống của tất cả chúng ta.

Ngày nay, môi trường sinh thái bị ô nhiễm trầm trọng, sự khủng hoảng đang ở mức báo động đỏ. Đây là kết quả của hành vi bất thiện của con người khi đối xử không công bằng với các loài vô tình chúng sanh. Sự khủng hoảng của môi trường sinh thái là kết quả của phần lớn là đời sống bị sự chi phối của ba sự ô nhiễm tâm thức đẩy là tham (ràga), sân (dosa) và si (moha) và ba nghiệp bất thiện, thân (kàya), khẩu (vàci) và ý (manas)¹³. Hành vi của con người do tâm

13. Karma Lekshe Tsomo (2009), *Ra khỏi bóng tối*, Thích Nữ Diệu Nghiêm dịch, Nxb tôn Giáo, TP.HCM, tr.706

dẫn đầu và thế giới hiện tượng là biểu lộ rõ ràng nhất của tâm thức con người. Cũng vậy, nghiệp được biểu lộ qua thân, khẩu và ý. Đó là lý do để người ta cho rằng “môi trường được chia sẻ của chúng ta là kết quả nghiệp của tổng số các tư tưởng và ý định mà chúng sanh phóng chiếu ra ngoài trong những hành vi của họ”¹⁴. Trong kinh Tương Ưng I đức Phật cũng từng nhấn mạnh, “Thế giới do tâm đứng đầu và dẫn dắt nơi này và nơi kia”¹⁵.

Theo như trên có thể thấy rằng, sự khủng hoảng môi trường sinh thái là sản phẩm của hành vi con người, cũng gọi đó là sản phẩm từ tâm con người mà có. Phương pháp để giảm thiểu sự khủng hoảng, bảo vệ môi trường sống cho con người là sống tinh thức, có chánh niệm, làm sạch tâm và kiểm soát các hành vi đến từ gốc rễ vô minh. “Nói cụ thể hơn, đó là tu tập một thái độ bình đẳng tôn trọng tất cả chúng sanh và hành động cho phù hợp. Thái độ bình đẳng, trong sạch trong tư tưởng và hành động bám rễ trong mối liên hệ bất nhị giữa tâm và vật, xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng trong sự biến hóa của thế giới: một tính cách bất nhị giữa mở rộng từ lãnh vực bản thể học và nhận thức luận đến lãnh vực đạo đức”¹⁶.

4. TU TẬP TINH THẦN BÌNH ĐẲNG LÀ PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU ĐỂ CÓ HẠNH PHÚC VÀ CÂN BẰNG MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

Để có được cuộc sống hạnh phúc và cân bằng môi trường sinh thái, con người cần tu tập tinh thần bình đẳng thông qua việc từ bỏ ba tâm ô nhiễm, sống chánh niệm (sati), nhận thức và nhìn thế giới theo tiến trình duyên sinh, vô thường và trung đạo¹⁷. Stephanie Kaza nói rằng: “Nguồn gốc sự khủng hoảng môi trường nằm trong các thói quen của tâm cũng như các thói quen cư xử phá hoại”¹⁸. Vậy nên, muốn cân bằng môi trường sinh thái để đảm bảo đời sống an lành, hạnh phúc cho con người cần phải tu tập để hủy diệt ba tâm ô nhiễm của thói quen và tịnh hóa các hành vi bất thiện của thân,

14 Ronald Epstein, “Sinh thái học nội tâm: Đạo đức học và sự tu tập đạo Phật”, Pháp ấn đích thực 7 (tháng 10, 1985), tr.2-3.

15. Tương Ưng I, tr.39

16. Karma Lekshe Tsomo (2009), *Ra khỏi bóng tối*, Thích Nữ Diệu Nghiễm dịch, Nxb Tôn Giáo, TP.HCM, tr.709

17. Sđd, tr.708

18. Stephanie Kaza (1990), *Về một đạo đức học môi trường Phật giáo*, Đạo Phật ở các bước ngoặt, tr.25

khẩu và ý. Chỉ cần con người tu tập, làm quen với các tư tưởng và hành động trong sạch, thì kết quả sau cùng sẽ gặt hái hạnh phúc và môi trường sống lành mạnh, an hòa.

Việc tu tập tinh thần bình đẳng ngoài phương pháp làm thanh tịnh hóa tư tưởng và hành động, quý hành giả nên thực hành thêm 37 phẩm trợ đạo, Tám con đường chơn chánh, Tam học (giới, định, tuệ), thực hành đức tánh từ bi và trí tuệ. “*Cụ thể hơn, từ quan điểm tu tập bình đẳng tính, phương thức chữa trị sự khủng hoảng môi trường sinh thái là vô hại (ahimsa), bi (karunā) và từ (mettā)*”¹⁹. Trong đó, thực hành “vô hại” và “bi” nhằm giúp các “hành vi” thanh tịnh trong quá trình tu tập bình đẳng tính. Thực hành tâm “từ” nhằm giúp “tâm” thanh tịnh suốt quá trình tu tập bình đẳng tính.

Bi tâm, là tấm lòng thương tưởng mọi loài chúng sanh, chăm lo cho mọi đối tượng chúng sanh như chăm sóc chính bản thân mình. Ước muốn tìm kiếm hạnh phúc, tránh gây đau khổ cho mọi loài như đối với chính mình. Sống lợi mình, lợi người, lợi ích cho môi trường sinh thái để tất cả cùng có hạnh phúc, an vui. Tâm bi thường lấy việc chăm sóc người khác, bảo vệ môi trường sinh thái như chăm sóc và bảo vệ chính mình.

Cả cuộc đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni luôn sống hòa mình với thiên nhiên, từ Đản sanh, Thành đạo và nhập Niết bàn đều dưới những gốc cây xanh mát. Trong suốt những tháng năm hoàng hóa, “*Đức Phật luôn quan tâm đến cây cối và các hạt giống, và Ngài luôn dạy các đệ tử không được đào xới đất một cách bất cần*”²⁰. Sự quan tâm đến muôn loài của đức Phật thể hiện từ tâm dành cho các loài chúng sanh. Nhu cầu của con người là sự sống, nhu cầu của vạn vật là tồn tại và phát triển. Bảo vệ muôn loài, làm đẹp, sạch hành tinh xanh với tinh thần vô hại, chính là tạo cho chính mình và người thân người thương cơ hội sống đẹp, sống có ý nghĩa và nhân văn, cũng giúp cho môi trường sinh thái trở về trạng thái nguyên sơ, lành mạnh như chính nó vốn là.

19. Karma Lekshe Tsomo (2009), *Ra khỏi bóng tối*, Thích Nữ Diệu Nghiêm dịch, Nxb Tôn Giáo, TP.HCM, tr.710

20. Xem Kyoung-joon Park (2003), “Một khảo sát về khái niệm thiên nhiên của đạo Phật”, một bài viết được trình bày tại cuộc Hội thảo về sinh thái học Phật giáo tại Viện Văn hóa Phật giáo, tr.20-23

Tu tập tinh thần bình đẳng chính là phát triển từ tâm, làm lớn mạnh bi tâm, duy trì tính vô hại, đối đãi với mọi người, mọi loài bằng trái tim bình đẳng, hiểu biết và lòng thương yêu. Điều quan trọng trong việc thực tập tính vô hại, từ tâm và bi tâm luôn bao hàm hiểu biết về tính chất của sự sống, đối đãi với con người và thiên nhiên bằng tâm bất nhị, làm mọi điều mang lại lợi ích và hạnh phúc cho mình và người, mang an lành cho môi trường sinh thái, chính là thái độ tu tập đúng đắn của tinh thần bình đẳng.

Bên cạnh đó, đạo Phật luôn lấy giáo lý Nhân quả và Nghiệp làm hệ quy chiếu để khai mở tuệ giác cho tất cả chúng sanh. Thế nên, *“nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, có ý sát hại, mang tâm niệm xấu ác, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng, thì người ấy thọ lấy nghiệp ấy, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục, mãi kiếp địa ngục rồi, lại sinh vào nhân gian tuổi thọ rất ngắn ngủi...”*²¹. Lại nữa, *“tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, nếu sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục”*²². Như vậy, giáo lý Nghiệp báo và Nhân quả cũng là một trong những phương pháp nhằm thức tỉnh chúng sanh quay đầu hướng thiện. Triết lý gieo nhân gặt quả phần nào khiến con người sợ hãi mà dừng lại những suy nghĩ và hành động bất thiện, muốn gieo đau khổ cho con người và gây ảnh hưởng đến nguồn sống của môi trường sinh thái. Chỉ khi nào chúng sanh nhận thức được tấm gương phản chiếu của luật nhân quả và sự chi phối khắc nghiệt của nghiệp thức, thì đời sống con người mới được cải thiện, hạnh phúc mỉm cười và môi trường sinh thái được bảo vệ bình yên.

Tóm lại, *“sống một đời sống bình đẳng bao hàm một sự hiểu biết mối liên hệ hỗ tương và sự tùy thuộc lẫn nhau của tất cả các loài trong hệ sinh thái mang tính chính thể luận của trái đất và hiểu biết sự mong muốn của mọi loài là tìm kiếm hạnh phúc và tránh đau khổ”*²³. Thực

21. Trung A Hàm (1992), tập III, kinh Oanh vũ, Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN ấn hành, tr.747.

22. Kinh Trung Bộ (2000), Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn Giáo, tr.687.

23. Karma Lekshe Tsomo (2009), *Ra khỏi bóng tối*, Thích Nữ Diệu Nghiêm dịch, Nxb Tôn Giáo, TP.HCM, tr.714

hiện, tu tập tinh thần bình đẳng theo quan niệm của đạo Phật một cách miên mật để sống có trách nhiệm với mình và người, tôn trọng sự hiện hữu của thiên nhiên, chung tay bảo vệ môi trường sinh thái, chính là đang bảo vệ và xây dựng hạnh phúc cho chính mình.

Nhiều người vì ích kỷ, vì lòng tham, vì bản ngã đã coi thương tinh thần bình đẳng của con người và mọi loài, tước đoạt đi quyền sống, quyền làm người và quyền hiện hữu, cộng sinh của mẹ thiên nhiên, để gánh lấy hậu quả sau cùng là bệnh tật, là tổn thương, là chết chóc và đau khổ. Đức Dalai Lama trong tác phẩm *“Thực hành như thế nào để có được cuộc đời ý nghĩa”* có viết: *“Ý thức rằng con người có thể chế ngự và vượt qua được những đau khổ. Xác định rằng con người có thể chấm dứt được đau khổ bằng cách rèn luyện phẩm hạnh, thiền định tập trung, và sự sáng suốt. . .”*²⁴. Như vậy, mọi đau khổ, bất hạnh đều từ tâm con người mà có. Tuy nhiên, cũng chính từ tâm của mình, con người có thể chế ngự, phòng hộ, tu dưỡng, chuyển hóa để vượt qua khổ đau, chạm bờ hạnh phúc. Tu tập bình đẳng tính chính là mang lại hạnh phúc cho mình và tha nhân, đồng thời, nhờ đó bảo vệ tốt hơn môi trường sinh thái mà chúng ta đang hiện hữu.

24. Dalai Lama (2007), *Thực hành như thế nào để có được cuộc đời ý nghĩa*, Nxb TP.HCM, tr.69.

Thư mục tham khảo

- Dalai Lama, *Thực hành như thế nào để có được cuộc đời ý nghĩa*, Nxb TP.HCM, 2007.
- David Miller (2002), Phẩm chất và sự công bằng, *Đạo đức học ứng dụng: Các khái niệm then chốt trong triết học VI*, R. Chardwick và D. Schroeder, Nữu ước: Routledge.
- Huy Thông- Nguyên Hạ, *Gặp Gỡ Tư Tưởng Đức Phật và Einstein*, Nxb Văn Nghệ, TP.HCM, 2005.
- Karma Lekshe Tsomo (2009), *Ra khỏi bóng tối*, Thích Nữ Diệu Nghiêm dịch, Nxb Tôn Giáo, TP.HCM.
- Kimura Taiken, *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận*, Thích Quảng Độ dịch, Hà Nội, Nxb Tôn Giáo, TP. HCM, 2007.
- Kinh Trung Bộ*, Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn Giáo TP. HCM, 2000.
- Kyoung-joon Park, “Một khảo sát về khái niệm thiên nhiên của đạo Phật”, một bài viết được trình bày tại cuộc Hội thảo về sinh thái học Phật giáo tại Viện Văn hóa Phật giáo, 2003.
- Nhiều tác giả, *Những viên ngọc trí tuệ Phật giáo*, Thích Tâm Quang dịch, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2002.
- Ronald Epstein (1985), “Sinh thái học nội tâm: Đạo đức học và sự tu tập đạo Phật”, Pháp ấn đích thực 7.
- Stephanie Kaza (1990), *Về một đạo đức học môi trường Phật giáo, Đạo Phật ở các bước ngoặt*.
- Thích Quang Nhuận, *Phật học khái luận*, tập 2, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2005.
- Trung A Hàm*, tập III, kinh Oanh Vũ, Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN ấn hành, 1992.
- Từ điển Triết học, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va (bản dịch ra tiếng Việt của Nxb Tiến bộ và Nxb Sự thật), 1986.
- Viên Trí, *Ấn độ Phật giáo sử luận*. Nxb Phương Đông, TP.HCM.